

Than Uyên, ngày 29 tháng 10 năm 2021

Số: 02/2021/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THAN UYÊN, TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ các Điều 149, 212, 213, 361, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều **55, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117** của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày **21** tháng **10** năm 2021

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: **08/2021/TLST-HNGĐ** ngày **18** tháng **10** năm 2021 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Chị Đinh Thị Vân A, sinh năm: 1985;

Địa chỉ: Khu 5A, thị trấn T, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu.

2. Anh Phí Văn D, sinh năm: 1982;

Địa chỉ: Khu 4, thị trấn T, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Đinh Thị Vân A và anh Phí Văn D tự do tìm hiểu trên tinh thần tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 14/02/2003 tại UBND xã Th, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái. Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số: 07 quyển số: 01 của UBND xã Th, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái cấp cho chị Đinh Thị Vân A và anh Phí Văn D xác nhận hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Về tình trạng hôn nhân: Sau khi kết hôn **anh chị** sống chung hạnh phúc được hơn 8 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung và đã ly thân được một thời gian dài đến nay. Ngày 18/10/2021 chị Đinh Thị Vân A và anh Phí Văn D cùng yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Than Uyên công nhận chị Anh và anh Dự thuận tình ly hôn. Kèm theo đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con, các đương sự đã nộp các tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị Anh và anh D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và nội dung thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật và đạo đức xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ. Căn cứ vào biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày **21/10/2021** giữa chị Đinh Thị Vân A và anh Phí Văn D xác định chị Anh và anh D dự thuận tình ly hôn.

[2] Về nuôi con chung: Chị Đinh Thị Vân A và anh Phí Văn D xác nhận có hai chung chưa thành niên là Phí Văn D1, sinh ngày 23/3/2004 và Phí Gia H, sinh ngày 20/6/2015. Hiện nay cháu D1 và cháu H đang ở cùng mẹ là chị Đinh Thị Vân A.

Chị Đinh Thị Vân A và anh Phí Văn D thỏa thuận: Chị Đinh Thị Vân A là người trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là Phí Văn D1 và Phí Gia H cho đến khi con chung đã thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung chưa thành niên khi ly hôn: Chị Đinh Thị Vân A và anh Phí Văn D thỏa thuận: Anh Phí Văn D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Phí Gia H là 2.000.000 đồng /01 tháng cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Phương thức cấp dưỡng: Mỗi tháng 01 lần vào ngày 15 hàng tháng

Thời điểm cấp dưỡng: Kể từ ngày 15/11/2021(dương lịch) cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) có khả năng lao động.

Xét thấy thỏa thuận về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn của các đương sự là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật và đạo đức xã hội, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung chưa thành niên do vậy cần xem xét chấp nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Do chị Đinh Thị Vân A và anh Phí Văn D tự thỏa thuận với nhau nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Xét thấy các đương sự tự nguyện ly hôn, hai bên đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con con chung chưa thành niên khi ly hôn và không yêu cầu chia tài sản chung, giải quyết nợ chung.

Sự thỏa thuận của các đương sự đã bảo đảm quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Vân A và anh Phí Văn D thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cho chị Đinh Thị Vân A trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là Phí Văn D1, sinh ngày 23/3/2004 và Phí Gia H, sinh ngày 20/6/2015 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Anh và anh Dự thỏa thuận anh Phí Văn D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cháu Phí Gia H là **2.000.000** đồng /01 tháng cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Phương thức cấp dưỡng: Mỗi tháng 01 lần vào ngày 15 hàng tháng

Thời điểm cấp dưỡng: Kể từ ngày 15/11/2021(dương lịch) cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) có khả năng lao động. Trường hợp anh Phí Văn D chậm trả tiền thì phải chịu trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo Điều 357 Bộ luật dân sự.

Anh D có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con chung được sống chung với chị Anh. Chị A có quyền yêu cầu anh D cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Sau khi ly hôn anh Phí Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đinh Thị Vân A và anh Phí Văn D tự thỏa thuận với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Không.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) trong đó người yêu cầu là chị Đinh Thị Vân A và anh Phí Văn D mỗi người phải chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Ghi nhận sự thỏa thuận của anh chị để chị Đinh Thị Vân A chịu toàn bộ lệ phí thay anh Phí Văn D. Xác nhận chị Đinh Thị Vân A đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng lệ phí theo biên lai số: AA/**2021**/0000589 ngày 18/10/2021

tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu nay chuyển thành lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Tòa án tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Than Uyên;
- Chi cục THA Dân sự huyện Than Uyên;
- UBND xã Th, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lường Xuân Thu